

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2021/DS-PT
Ngày: 26 - 11 - 2021
V/v tranh chấp đòi di sản
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám.
Các Thẩm phán:
- Ông Lưu Hữu Giàu;
- Bà Ngô Ngọc Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/DS-PT, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi di sản quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐ- PT ngày 17 tháng 02 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 45/TB-TA ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1975 (có mặt, vắng mặt khi tuyên án);
Cư trú: tổ 16 ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

1.2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt);
Cư trú: ấp TP 3, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

1.3. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1970 (vắng mặt);
Cư trú: tổ 16 ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn T, Lê Văn T2 cùng ủy quyền cho ông Lê Văn H làm đại diện.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1944 (vắng mặt);
Cư trú: tổ 16 ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Bà Đoàn Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; Cư trú: ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang làm đại diện (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1992 (vắng mặt);

3.2. Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3.4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3.5. Ông Lê Anh T5, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng cư trú: tổ 16 ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang;

Bà Nguyễn Thị D, ông Lê Anh T5 cùng ủy quyền cho ông Lê Văn H làm đại diện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn H: Luật sư Phạm Thái B2, thuộc văn phòng Luật sư Thái Bình – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và tự khai của ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị D2, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1157,2m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ 53, QSDĐ số 04161QSDĐ/eD, do UBND huyện CM cấp ngày 31/07/2001. Cụ Nguyễn Thị D2 có 03 người con gồm: Lê Văn H, Lê Văn T2, Lê Văn T. Khi cụ Nguyễn Thị D2 còn sống có cho các con mỗi người ngang 5m, dài khoảng 30m để ở, phần còn lại cho người con út là Lê Văn H dùng để thờ cúng ông bà cha mẹ, khi cho đất thì có điều kiện là chỉ ở, không được sang nhượng, việc cho đất cụ D2 nói bằng lời nói, không làm văn bản cho đất. Năm 2007 ông Lê Văn T đã sang nhượng diện tích ngang 5m dài 35,2m, năm 2008 Lê Văn T2 đã sang nhượng đất cho Bùi Văn T3 và Nguyễn Thị Ngọc T4 diện tích ngang 10m dài 20m. Đến tháng 02/2020 thì bà Đoàn Thị N xây dựng nhà trên diện tích đất của cụ D2 đứng tên, nên ông H, ông T, ông T2 tranh chấp, thì được biết vào năm 2008 ông Lê Văn T2 đã sang nhượng cho vợ chồng ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T4 diện tích ngang 10m dài 20m, với giá 20.000.000 đồng, hai bên chỉ làm giấy viết tay, không có công chứng chứng thực. Sau đó, vào năm 2009 ông T3 và bà T4 đã sang nhượng diện tích đất này lại cho bà Đoàn Thị N. Nay ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 buộc bà Đoàn Thị N phải trả lại di sản diện tích đất theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 21/8/2020, tổng diện tích bà Đoàn Thị N đang quản lý sử dụng là 172,7m², ông H, ông T, ông T2 đồng ý hoàn trả theo giá trị mà hội đồng đã định giá số tiền 43.175.000 (Bốn mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, không đồng ý hoàn trả tiền vật tư xây dựng mà hiện nay bà Đoàn Thị N đã xây dựng.

2. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày như sau:

Ngày 12/10/2009 vợ chồng của ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T4 có sang nhượng cho bà Đoàn Thị N diện tích đất ngang 10m dài 20m tọa lạc ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang, với giá là 28.000.000 đồng, do bà Đoàn Thị N không biết chữ nên để cho cháu (Huỳnh Văn H2) đứng tên trên giấy tờ sang nhượng đất với ông T3, bà T4, nhưng thực tế là bà Đoàn Thị N là người nhận sang nhượng đất, bà N đã giao đủ tiền cho vợ chồng T3 và T4 với số tiền 28.000.000 đồng, khi mua bán thì phía ông Lê Văn T2 có ký tên, và các giấy tờ sang nhượng trước đây ông T3, bà T4 có giao lại cho bà N giữ và khi ký tên sang nhượng có ông Lê Văn T2 và cụ Nguyễn Thị D2 ký tên. Khi nhận sang nhượng thì ông T2 cho rằng đất này cụ Nguyễn Thị D2 đã cho ông T2, nên ông T2 sang nhượng cho ông T3 và bà T4, phần còn lại ông T2 cất nhà ở. Khi bà Đoàn Thị N nhận đất sang nhượng thì có cụ Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn T2 chỉ ranh đất, xuống trụ ranh diện tích ngang 10m dài 20m và bà Đoàn Thị N trực tiếp quản lý, canh tác đất, trồng trọt hoa màu từ khi nhận sang nhượng cho đến nay. Việc sang nhượng đất thời điểm cụ Nguyễn Thị D2 còn sống, ông Lê Văn H, Lê Văn T2, Lê Văn T cụ Nguyễn Thị D2 đều biết và không phản đối.

Đến năm 2011 cụ Nguyễn Thị D2 chết thì ông Lê Văn H mới về phủ thờ nhà của cụ D2 sinh sống. Đến năm 2020 bà Đoàn Thị N xây tường xung quanh diện tích đất và cất nhà để ở thì ông H đòi chuộc lại phần đất này, với giá là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, do bà Đoàn Thị N không đồng ý, nên ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 khởi kiện đòi lại di sản là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị D2.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 thì bà Đoàn Thị N không đồng ý trả đất, yêu cầu Tòa án bác đơn của ông Lê Văn H, Lê Văn T2, Lê Văn T.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T4 thống nhất trình bày:

Vào năm 2008 ông Lê Văn T2 có nợ tiền vay và tiền hụi của vợ chồng ông T3, bà T4 số tiền là 13.000.000 đồng, sau đó ông T2 đồng ý sang nhượng diện tích đất của cụ Nguyễn Thị D2 đã cho ông Lê Văn T2, diện tích ông T2 sang nhượng cho ông T3 và bà T4 là ngang 10m dài 28m đất tọa lạc ấp NA, xã NM, huyện CM với giá sang nhượng là 20.000.000 đồng, ông T3, bà T4 giao thêm cho ông Lê Văn T2 7.000.000 đồng là đủ số tiền hai bên thỏa thuận sang nhượng, diện tích đất do cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên QSDĐ, nên khi sang nhượng có cụ Nguyễn Thị D2 ký tên đồng ý cho ông Lê Văn T2 sang nhượng, sau khi ông T2 nhận đủ tiền thì hai bên có tiến hành đo đạc giao đất, phía ông T2, cụ D2 chỉ ranh xuống trụ đá và giao đất cho ông T3, bà T4. Đến năm 2009 do bà T4 bệnh tim nên ông T3, bà T4 sang nhượng lại cho bà Đoàn Thị N với giá 28.000.000 đồng, khi đó ông Lê Văn T2 cũng đồng ý và có ký tên vào tờ sang nhượng là người lân cận, việc ông T3, bà T4 nhượng đất lại cho bà N thì cụ D2 cũng biết và có xuống trụ đá giao đất cho bà N, khi đó cụ D2 và các con của cụ D2 đều biết việc cụ D2 đồng ý cho Lê Văn T2 sang nhượng đất. Khi làm giấy

sang nhượng cho bà N diện tích thực tế chỉ còn lại ngang khoảng 10m dài 20m, do diện tích chiều dài làm đường lộ nông thôn nên chiều dài chỉ còn lại 20m, hai bên có xuống trụ ranh đá và sau đó ông Lê Văn T2 cất nhà phía sau nền đất của bà N. Ngoài ra, diện tích đất cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên QSDĐ thì cụ D2 chia cho 03 người con là H, T, T2 mỗi người đều có phần hưởng, phần chia của ông Lê Văn T đã sang nhượng cho ông Trương Thanh H5 diện tích ngang 5m dài 35m cũng nằm trong diện tích đất cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên QSDĐ, phần đất đã sang nhượng cho ông Trương Thanh H5 hiện nay cũng chưa được sang tên cho ông Trương Thanh H5. Do đó, Việc ông H, ông T, ông T2 đòi lại di sản là QSDĐ là không phù hợp.

Ông Huỳnh Văn H2 trình bày: Diện tích đất hiện nay ông Lê Văn H, ông Lê Văn T, Lê Văn T2 tranh chấp với bà Đoàn Thị N là diện tích đất bà Đoàn Thị N đã nhận sang nhượng từ ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T4, trên giấy mua bán do ông Huỳnh Văn H2 đứng tên giấy mua bán viết tay, có trường ấp xác nhận việc hai bên thỏa thuận sang nhượng đất, do bà N không biết chữ nên để tên Huỳnh Văn H2 là cháu của bà N đứng tên trên giấy sang nhượng, nhưng diện tích đất này là của bà Đoàn Thị N nhận chuyển nhượng từ ông T3, bà T4 và bà Đoàn Thị N đã trực tiếp canh tác, sử dụng không tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn T2 là vợ chồng, do ông Lê Văn T2 vay tiền của ông T3, bà T4 số tiền 13.000.000 đồng. Sau đó, ông Lê Văn T2 nhượng đất lại cho ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Ngọc T4 diện tích ngang 10m dài 28m tọa lạc ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang, QSDĐ do cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên, diện tích đất này là của cụ Nguyễn Thị D2 cho ông Lê Văn T2 diện tích cất nhà ở, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên sang nhượng lại cho ông T3, bà T4 với giá 20.000.000 đồng, ông T3 và bà T4 giao thêm 7.000.000 đồng là đủ số tiền sang nhượng đất, sau khi nhận tiền từ ông T3, bà T4 thì có đo đạc, xuống trụ đá giao đất cho ông T3, bà T4. Đến năm 2009 thì ông T3 và bà T4 sang nhượng lại cho bà Đoàn Thị N, bà N quản lý, sử dụng cho đến nay. Bà Nguyễn Thị D có yêu cầu cho ông Lê Văn H chuộc lại đất từ bà Đoàn Thị N với giá là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 về việc đòi lại di sản quyền sử dụng đất diện tích 172,7m² đất tọa lạc ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang đối với bà Đoàn Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2020 ông Lê Văn H là nguyên đơn trong vụ án, làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa hoặc hủy án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Thái B2 phát biểu tranh luận. Về quan hệ tranh chấp đòi lại di sản là QSDĐ diện tích 1157,2m² của cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên, cụ D2 chết năm 2011 nên đây là di sản của cụ D2 theo Điều 167 Luật đất đai năm 2013 nên giao dịch sang nhượng đất giữa ông Lê Văn T2 với Bùi Văn T3, Nguyễn Thị Ngọc T4 và bà Đoàn Thị N là trái pháp luật, vi phạm về quyền thừa kế. Do đó ông T2 không có đất, nên việc tự định đoạt của ông Lê Văn T2 là vi phạm về hình thức và nội dung. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, buộc bà N trả lại diện tích đất 172,7m².

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phúc xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn H là nguyên đơn trong vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H đã nộp đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn H2, Bùi Văn T3, Nguyễn Thị Ngọc T4 vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Hiền, ông T3, bà T4 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị D2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1157,2m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ 53, trong đó có 600m² thổ cư và 557.20m² lâu năm khác, theo quyền sử dụng đất số 04161QSDĐ/eB, ngày 31/07/2001 do UBND huyện CM cấp cho cụ Nguyễn Thị D2, đứng tên. Theo tờ cam kết không bỏ sót những người thừa kế ngày 02/3/2020 (BL: 07,08), cụ Nguyễn Thị D2 (Chết 08/10/2011), chồng là cụ

Lê Thành N4, sinh năm 1922 (Chết 1976). Cụ D2 và cụ N4 có 03 người con là Lê Văn H, Lê Văn T và Lê Văn T2.

Vào ngày 28/01/2008 ông Lê Văn T2 đã viết giấy tay sang nhượng đất cho ông Bùi Văn T3 diện tích ngang 10m, dài 28m, với giá 20.000.000 đồng.

Đến ngày 12/10/2009 ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Ngọc T4 tiếp tục làm giấy tay sang nhượng toàn bộ diện tích đất này lại cho bà Đoàn Thị N, với giá 28.000.000 đồng, nhưng trong nội dung tờ sang nhượng đất thì ghi ông T3 sang lại cho ông Huỳnh Văn H2. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 22/6/2020 ông Huỳnh Văn H2 khai, ông là cháu ngoại của bà Đoàn Thị N, do bà N không biết chữ nên mới kêu ông đứng tên bên mua, còn bên bán là vợ chồng ông T3, bà T4, nhưng thực tế là bà N trực tiếp sang nhượng đất và giao tiền cho vợ chồng ông T3, bà T4, nên ông Hiền xác định đất của bà N nhận chuyển nhượng chứ không phải đất của ông (BL: 54).

Ngày 21/02/2020 bà N mua vật liệu về cuốn nền thì ông H ngăn cản không cho bà N cuốn nền nhưng bà N vẫn tiếp tục cuốn nền xung quanh diện tích đất tranh chấp, đến ngày 28/02/2020 UBND xã NM mời các bên đến giải quyết nhưng các bên không thỏa thuận được nên ông H, ông T và ông T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc chuyển nhượng diện tích 172,7m² đất tại các điểm 3,4,5,6,7,12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 21/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới, là nguồn gốc đất của cụ Nguyễn Thị D2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1157,2m², theo quyền sử dụng đất số 04161QSDĐ/eB, ngày 31/07/2001 do UBND huyện CM cấp cho cụ Nguyễn Thị D2 đứng tên. Cụ D2 có cho mỗi người con diện tích đất ngang 5m dài khoảng hơn 30m để ở, vào năm 2007 ông Lê Văn T đã sang nhượng diện tích đất cho ông Trương Thanh H5 diện tích ngang 5m dài 35,2m, tổng diện tích 176m², ông Lê Văn T2 sang nhượng diện tích đất cho Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T4 diện tích đất ngang 10m dài 28m và diện tích đất này ông T3 và bà T4 sang nhượng lại cho bà Đoàn Thị N.

Khi sang nhượng đất thì ông T2 cho rằng đất này cụ D2 đã cho ông T2, nên ông T2 sang nhượng cho ông T3 và bà T4, phần diện tích còn lại ông T2 cất nhà ở vào năm 2012. Khi bà Đoàn Thị N nhận đất sang nhượng thì có ông Lê Văn T2 chỉ ranh đất, xuống trụ ranh diện tích ngang 10m dài 20m, sau đó bà Đoàn Thị N trực tiếp quản lý, canh tác đất, trồng trọt hoa màu từ khi nhận sang nhượng cho đến nay. Việc sang nhượng đất thời điểm cụ D2 còn sống, nên cụ D2, ông Lê Văn H, Lê Văn T đương nhiên đều biết và không phản đối trong thời gian dài. Đồng thời, các nguyên đơn cũng xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn cũng thừa nhận khi cụ D2 còn sống có cho ông Lê Văn T, Lê Văn T2 mỗi người một nền nhà ngang 5m, dài 35m. Riêng ông Lê Văn H quản lý toàn bộ diện tích còn lại, khi cho đất thì chỉ nói bằng lời nói, không làm văn bản cho đất, sau khi được cho đất ông Lê Văn T đã sang nhượng cho ông Trương Thanh H5, ông Lê Văn T2 sang nhượng cho ông Bùi Văn T3, ông Bùi Văn T3 đã sang nhượng lại cho bà Đoàn Thị N quản lý sử dụng diện

tích đất từ năm 2009. Từ đó, xác định cụ Nguyễn Thị D2 đã cho đất cho các con mỗi người con đã sang nhượng cho người khác, từ những căn cứ nêu trên xác định Quyền sử dụng đất mà các ông Lê Văn T và Lê Văn T2 đã sang nhượng không còn là di sản của cụ Nguyễn Thị D2. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, Lê Văn H, Lê Văn T2 là hoàn toàn phù hợp.

Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm, ông H kháng cáo vụ án và đang được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm thì vào ngày 19/12/2020 bà N lại tiếp tục cất một mái che tạm có kết cấu: khung gỗ tạp, mái, vách tol; sàn lót ván gỗ tạp, diện tích ngang 3,2m; dài 3,6m; chiều cao 3m, để chứa vật dụng gia đình bà N. (Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021 của Tòa án cấp phúc thẩm). Việc bà N phát sinh thêm mái che tạm sau khi xét xử sơ thẩm không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp được chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do đó, nghị nên chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 159/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

[5] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là không đúng. Tuy nhiên, xét không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm đối với quyết định, phần tuyên án cho đúng.

[6] Chi phí tố tụng: Ông H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định giai đoạn phúc thẩm là 560.000 đồng. Ông H đã nộp xong.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Phúc xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, về phần tuyên án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, Lê Văn T, Lê Văn T2 về việc đòi lại di sản quyền sử dụng đất diện tích 172,7m² đất tọa lạc ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang đối với bà Đoàn Thị N.

2. Về chi phí tố tụng: Ông H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định giai đoạn phúc thẩm là 560.000 đồng. ông H đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008863 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám